



BẢO TỒN TÀI NGUYÊN SINH VẬT - VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC QUAN TÂM ĐẶC BIỆT TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Thời gian gần đây Đảng, Nhà nước và mọi tầng lớp nhân dân ngày càng quan tâm đến công tác bảo vệ thiên nhiên và môi trường. Luật bảo vệ môi trường (BVMT) đã được ban hành theo lệnh Chủ tịch nước (10/01/1994) và các Nghị định của Chính phủ, thông tư của nhiều bộ ngành đã cụ thể hóa các nội dung của công tác BVMT. Gần đây, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đã ra Chỉ thị số 36-CT-TW (25/6/1998) về tăng cường công tác BVTN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chỉ thị nêu rõ mục tiêu là "Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phục hồi và cải thiện môi trường ở những nơi, những vùng đã bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường..." Chỉ thị cũng nêu một trong các giải pháp cơ bản trong công tác BVMT là "Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn thiên nhiên". Nội dung của chỉ thị hết sức đúng đắn này cần được thực hiện ở tất cả các địa phương trong cả nước.

Từ sau khi Luật BVMT được ban hành, tại nhiều tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ phong trào "xanh, sạch, đẹp" đã được phát động, bước đầu cho kết quả tốt. Các dự án phát triển công nghiệp, năng lượng, giao thông đường bộ, đường thủy đã thực hiện bảo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Hệ thống quan trắc môi trường quốc gia và một số tỉnh, thành đã đi vào hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên, trong nội dung BVMT ở nhiều tỉnh, thành phía Nam, vấn đề bảo vệ tài nguyên sinh vật dường như chưa được quan tâm đúng mức. Nguồn tài nguyên này lại đang đứng trước sự đe dọa của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và di dân trong vùng.

Cho đến nay nhiều qui hoạch phát triển vùng, phát triển ngành chưa thực sự quan tâm đến bảo vệ tài nguyên sinh vật do chỉ chú ý đến việc nâng cao giá trị sử dụng đất, chuyển vùng đất rừng, bãi bồi có giá trị thấp thành đất thổ cư, đất xây dựng đô thị, khu công nghiệp. Tư duy này đã thể hiện trong các dự định đô thị hóa, công nghiệp hóa, xây dựng cảng nước sâu ở Côn Đảo, Cần Giờ và nhiều vùng khác.

Trong thực tế, bảo vệ tài nguyên sinh vật (rừng, động vật hoang dã, nguồn lợi thủy sản) chính là trực tiếp bảo vệ điều kiện sống của con người và bảo đảm sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) lâu bền. Những năm gần đây, việc hủy hoại tài nguyên sinh vật đã gây hậu quả nhân tiền: Gia tăng cường độ lũ lụt

TS. LÊ TRÌNH

Phó Chủ tịch Hội bảo vệ thiên nhiên và
môi trường Việt Nam

Muốn phát triển bền vững thì điều cốt yếu là phải bảo tồn cho được tài nguyên sinh vật (đa dạng sinh học). Đông Nam Bộ là vùng phát triển kinh tế khá mạnh, là điểm nóng, do đó việc bảo vệ tài nguyên sinh vật cần được lưu ý ngay trong qui hoạch phát triển kinh tế-xã hội của vùng. Những "vùng cấm" và những kiến nghị của tác giả nêu trong bài là những điều tâm huyết mà các nhà hoạch định chính sách phát triển vùng cần lưu tâm để Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh trong thế bền vững.

dẫn tới thiệt hại to lớn về người và tài sản cho nhân dân Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) (các năm 1994-1998), Đông Nam Bộ (1998), các tỉnh miền Trung (1999), Tây Nguyên (1994-1998); xói mòn, sạt lở bờ biển; suy giảm nguồn lợi thủy sản ở các tỉnh ven biển ĐBSCL và Đông Nam Bộ. Việc suy giảm tài nguyên sinh vật còn làm tuyệt chủng nhiều loài cây cỏ, chim, thú quý hiếm, không thể nào khôi phục lại được trong tương lai.

Chính vì ý nghĩa to lớn của công tác bảo tồn tài nguyên sinh vật, theo quan điểm phát triển bền vững, các vùng sau đây nên xem là "vùng cấm" không nên xây dựng các đô thị, các nhà máy lớn, cảng nước sâu, xa lộ, không được chuyển thành các mục đích sử dụng khác mà cần giữ gìn và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên:

1. Huyện Cần Giờ (thành phố Hồ Chí Minh).

Vùng này hiện có trên 25 000 ha rừng ngập mặn phát triển tốt. Nội thành thành phố Hồ Chí Minh rất thiếu bóng cây nhưng nếu cộng cả rừng Cần Giờ thì thành phố (kể cả ngoại thành) lại là địa phương có diện tích cây xanh bình quân đầu người đứng đầu trong các thành phố của Việt Nam.

Các giá trị chủ yếu của rừng ngập mặn Cần Giờ:

- Điều tiết khí hậu, giảm thiểu ô nhiễm không khí. Rừng ngập mặn Cần Giờ với độ che phủ cao chính là lá phổi xanh của Thành phố. Đây là vùng xử lý khí độc, góp phần làm bầu không khí trong lành, điều tiết nhiệt độ, độ ẩm, ngăn cản gió bão... Với một thành phố trên 5 triệu người cùng với hàng chục đô thị, khu công nghiệp ở Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, hàng ngàn cơ sở sản xuất, hàng triệu xe có động cơ mà không có rừng này chắn chắn sức khỏe của người dân sẽ bị ảnh hưởng xấu.

- Xử lý nước thải và các tác nhân ô nhiễm từ đất liền. Các bãi bồi vùng rừng ngập mặn

vừa có tác dụng ngăn sóng, cản trở xói mòn bờ biển, vừa có giá trị to lớn trong việc phân hủy theo cơ chế sinh hóa các tác nhân ô nhiễm từ thành phố, các khu công nghiệp do sông thải ra. Nếu bề tông hóa các bãi bồi này phần lớn chất ô nhiễm sẽ được chuyển ra vịnh Gành Rái gây ô nhiễm biển, gây suy giảm nghề thủy sản và du lịch cho Cần Giờ, Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An,... Nhiều nghiên cứu cho thấy muốn làm sạch các kênh Nhiều Lợc, Thị Nghè, Tân Hóa - Lò Gốm, Tham Lương,... và xử lý nước thải sinh hoạt khu vực thành phố Hồ Chí Minh phải cần đến 300-500 triệu USD để xây dựng các công trình. Như vậy giá trị vùng sinh thái ngập mặn Cần Giờ, Nhà Bè trong việc xử lý chất thải, cũng có thể tính đến nhiều trăm triệu USD. Điều này ít nhà qui hoạch, nhà kinh tế tính tới.

- Vùng sinh thái ngập mặn Cần Giờ có giá trị kinh tế cao về mặt thủy sản. Đây là vùng sinh sản, cư trú và phát triển của nhiều loài tôm cá, cua... Thực tế đã chứng minh rằng ở Thái Lan, Malaixia, ở ĐBSCL cũng như ở Cần Giờ, nơi nào rừng ngập mặn bị phá nhiều cũng dẫn tới suy giảm nguồn lợi thủy sản và năng suất tôm nuôi do mất nơi cư trú và gia tăng ô nhiễm nguồn nước.

- Vùng sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ có giá trị cao về mặt đa dạng sinh học. Hiện nay rừng Cần Giờ có trên 30 loài cây ngập mặn. Phổ biến nhất là Đước Đồi (*Rhizophora apiculata*), Đước bộp (*Rh. mucronata*), Mắm quân (*Avicennia lanata*), Mắm trắng (*A. alba*), Bần (*Sonneratia eveta*), Chà là (*Phoenix paludosa*), Dừa nước (*Nipa fruticans*)... chúng đã phát triển thành từng quần thể rộng lớn. Do rừng phát triển tốt, nhiều loài động vật tương đã biến mất nay lại chọn Cần Giờ làm nơi sinh trưởng và phát triển: Khỉ (*Macaca spp*) nhiều đàn với gần 500 con, heo rừng (*Sus scrofa*), rái cá (*Lutra lutra*),

hàng trăm loài chim, hàng chục loài bò sát, 18 loài lưỡng thể. Đặc biệt vùng nước lợ và ven biển Cần Giờ, Bà Rịa - Vũng Tàu có trên 270 loài cá, hàng chục loài tôm trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế. Đây là nguồn lợi kinh tế lớn của thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu và huyện Cần Giờ. Hàng năm ở vùng biển Cần Giờ, Bà Rịa - Vũng Tàu có thể nuôi và khai thác hàng chục ngàn tấn cá, tôm giá trị hàng trăm triệu USD. Nếu chỉ mất độ 50% sản lượng thủy sản này vì suy giảm hệ sinh thái rừng ngập mặn và cửa sông thì thiệt hại về kinh tế do tác động môi trường là rất to lớn, đặc biệt với nhân dân Cần Giờ, những người có nguồn sống chính từ nuôi và đánh bắt thủy sản.

- Rừng ngập mặn còn có giá trị văn hóa, du lịch đáng kể. Hiện nay Lâm viên Cần Giờ (diện tích 2 200 ha) tuy mới hoạt động vài năm nhưng đã thu hút hàng trăm đoàn cán bộ khoa học, sinh viên Việt Nam và nước ngoài đến nghiên cứu, hàng năm có hàng vạn khách đến thăm. Ta biết rằng muốn có 1 khu giải trí, du lịch cỡ nhỏ cũng cần phải đầu tư tối thiểu 10 triệu USD thì mới thấy rõ giá trị kinh tế của rừng ngập mặn Cần Giờ. Một khu du lịch sinh thái rộng lớn, có thể làm hài lòng mọi người Việt Nam và khách du lịch quốc tế.

- Rừng Cần Giờ và dải rừng ven biển có ý nghĩa cực kỳ quan trọng về quốc phòng - an ninh mà bài báo này không phân tích kỹ. Đây chính là vấn đề rất cần tính tới trong việc bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn Đông Nam Bộ.

Trên đây chúng tôi chỉ nêu một số ý nghĩa môi trường và kinh tế của vùng sinh thái ngập mặn Cần Giờ để chứng minh rằng giá trị của rừng ngập mặn không thể tính

theo giá trị sử dụng đất như một số nhà qui hoạch thường nghĩ (giá đất vùng sinh lầy này chỉ bằng 1/10 so với giá đất vùng qui hoạch đô thị hóa). Giá trị này cũng không thể tính bằng giá trị cây đước, (độ 100000 đồng/1m³). Giá trị rừng ngập mặn phải bao gồm toàn bộ giá trị về kinh tế trực tiếp, gián tiếp và giá trị môi trường mà nhiều nhà qui hoạch chưa tính hoặc không muốn tính tới.

Hiện nay Cần Giờ đang được đưa vào danh mục khu bảo tồn đa dạng sinh học của Việt Nam và được nhiều tổ chức quốc tế (WWF, ADB...) tài trợ nghiên cứu để bảo tồn và phát triển. Ngoài ra các dải rừng ngập mặn ở Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai (Nhơn Trạch) cũng cần được bảo vệ.

2. Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Với diện tích tự nhiên trên 15 000 ha bao gồm 6043 ha rừng và 9 000 ha mặt biển của 14 hòn đảo, Vườn quốc gia Côn Đảo là một trong hai Vườn quốc gia ở Việt Nam có rừng và biển. Côn Đảo hiện nay đã được Chính phủ công nhận là Vườn quốc gia (theo Quyết định 135/Ttg ngày 31/1/1993). Côn Đảo là vùng cuối cùng ở Việt Nam còn rừng nguyên sinh chưa bị xâm phạm và nhiều loại thủy sản, chim, thú quý hiếm. Số dân trên đảo hiện nay chỉ trên ba ngàn người.

Theo nghiên cứu của nhiều cơ quan khoa học hiện nay tại Côn Đảo có 650 loài thực vật (hầu hết các loại thực vật ở Đông Dương), 18 loài thú, 62 loài chim, trên 160 loài cá. Côn Đảo hiện có các loài động vật quý hiếm như Sóc mun (*Ratufa sp*), sóc bay (*Aypopetes apadiceus*), cá heo (*Delphinus delphus*), bò biển (*Dugon dugong*). Rất đáng tiếc, một số cơ quan Nhà nước đã có ý định qui hoạch xây

cảng nước sâu, căn cứ kỹ thuật dầu khí, đô thị hóa. Việc đưa hàng vạn dân, công nhân ra Côn Đảo, việc xây dựng các công trình hạ tầng lớn trong khi khả năng cấp nước ngọt ở Côn Đảo rất hạn chế, diện tích đảo lại nhỏ bé, chắc chắn tài nguyên sinh vật ở Côn Đảo sẽ bị hủy diệt. Đây sẽ là nguy cơ lớn cho Vườn quốc gia Côn Đảo. Các ý định về qui hoạch này cần được xem xét thận trọng để tránh hậu quả lâu dài về môi trường và KT-XH.

3. Rừng đầu nguồn sông Đồng Nai, La Ngà, sông Bé.

Mặc dù tại vùng này có Vườn quốc gia Cát Tiên, các khu bảo tồn thiên nhiên ở Bù Gia Mập, ở Tân Linh (Biển Lạc - Núi Ông) nhưng hiện một phần diện tích đã bị phá do việc xây dựng và di dân tự do.

Vườn quốc gia Cát Tiên có diện tích 43584 ha (Nam Cát Tiên 38441 ha, Tây Cát Tiên 5143 ha) bao gồm các huyện Tân Phú (Đồng Nai) và Bù Đăng (Bình Phước). Ngoài ra tại các huyện Cát Tiên và Bảo Lộc (Lâm Đồng) còn có Khu bảo tồn Cát Lộc (30635 ha). Tại Cát Tiên và Cát Lộc 653 loài thực vật đã được xác định. Tại đây còn có 55 loài thú, 270 loài chim, 40 loài bò sát, 14 loài cá đã được xác định, trong số đó có các loài đe dọa tuyệt chủng như tê giác Java (*Rhinoceros sondaicus*), bò rừng (*Bos Banteng*, *Bos gaurus*), hổ, cây bay (*Cynocephalus variegatus*), voi, chó sói... Nếu không bảo vệ tốt các rừng này sẽ mất giá trị sinh học và gây nguy cơ cạn nước vào mùa kiệt và lũ lụt vào mùa mưa cho các hồ chứa (Trị An, Hàm Thuận, Thác Mơ...), ô nhiễm môi trường ở hạ lưu và gia tăng cường độ lũ lụt.

(Xem tiếp trang 22)

Trong năm 1999 và thượng tuần tháng 1 năm 2000, Chương trình KHCN-07 "Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường" đã có 6 đề tài kết thúc và được nghiệm thu cấp Nhà nước, đó là: Môi trường Vịnh Hạ Long - Cẩm Phả; môi trường thủy điện Sơn La; khôi phục môi trường mỏ; môi trường thành phố Hồ Chí Minh và lân cận và môi trường khu vực Hà Nội.

Sau khi 5 đề tài kết thúc - Bộ KH, CN&MT đã xét duyệt và cho triển khai 5 đề tài mới: Khai thác chế biến và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản; một số vấn đề xã hội, nhân văn phục vụ việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; về các chất siêu độc sinh thái; xử lý chất thải tại các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ; cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ cho việc quản lý lưu vực sông

HỘI THẢO KHOA HỌC LẦN THỨ 3 CHƯƠNG TRÌNH KHCN-07



Đồng Nai.

Đối với những đề tài đã kết thúc Ban chỉ đạo Chương trình phối hợp với Ban chủ nhiệm đề tài và các sở KH, CN&MT thành

phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai tổ chức tốt việc bàn giao hồ sơ tài liệu và kết quả nghiên cứu của các đề tài cho địa phương.

Ngày 6-7/1/2000, Ban chỉ đạo Chương trình đã tổ chức hội thảo thường niên nhằm trao đổi những kết quả đạt được trong năm, trao đổi ý kiến, kinh nghiệm, giúp cho các đề tài kịp thời nắm được những thông tin chung, học hỏi lẫn nhau và tạo điều kiện cho sự phối hợp, sử dụng kết quả của nhau một cách thích hợp. Có 21 báo cáo khoa học xếp thành 5 nhóm: Môi trường đô thị và công nghiệp; môi trường và phát triển vùng; thủy điện Sơn La; vùng hoang mạc và khai thác, sử dụng khoáng sản, được báo cáo tại Hội thảo. Thứ trưởng Bộ KH, CN&MT Hoàng Văn Huây tham dự và chủ trì Hội thảo.

Tin và ảnh:
Nguyễn Công Mai
Tạp chí HDKH

quy mô lớn, rất lớn, thậm chí có cả khối trượt cực lớn. Trên vùng cùng với trượt hiện đại còn có cả trượt cổ. Thuộc vùng này có: Vùng bờ phải, trái thung lũng Nậm Lay từ đèo Cổng Trời đến thị xã Lai Châu. Vùng thung lũng sông Đà từ khu Đồi Cao tới Can Hồ, thực tế đã xuất hiện khối trượt Nậm Vá, khối trượt Lê Lợi, khối trượt Phú Dao... Vùng Tuần Giáo - Pa Ham - Sá Tổng, vùng Chiềng Pha vùng Khau Pùm.

● **Vùng trượt lở mạnh** là vùng có mật độ trượt nhỏ hơn, ít các khối trượt lớn, nhưng ở đây cũng có các điều kiện cho trượt hoạt động mạnh. Thuộc vùng này có các diện tích ngoại vi vùng trượt lở rất mạnh nêu trên đây, vùng thung lũng sông Đà từ Chiềng Ôn - Quỳnh Nhai - Cà Nàng.

● **Vùng trượt lở vừa (trung bình)** bao gồm các diện tích còn lại của lưu vực hồ TĐSL cấu tạo bởi nền đá gốc là đá phi karst hóa và được đặc trưng bởi địa hình núi phân cắt, thung lũng hẹp, sườn có độ dốc cao, trên sườn có phủ thành tạo eluvi - coluvi.

● **Vùng trượt lở yếu** trùng với diện phân bố đá vôi. Thực tế có thể quan sát thấy trượt lở trên đá vôi ở nhiều nơi như vùng Phiêng Py, Phú Nhung, hẻm sông Đà, vùng bờ phải Nậm Pàn... Nhưng dấu sao thì trượt lở trên đá vôi cũng thấp hơn hẳn trên các vùng cấu tạo bởi các đá không phải là đá vôi.

Còn khả năng xuất hiện trượt tại biến khi hồ làm việc cần lưu ý dòng đe dọa 2 vùng sau đây:

1. Đoạn hẻm sông Đà từ Huổi Sô đến thị xã Lai Châu. Đoạn này cần được quan tâm trước tiên, nhưng không phải mọi nơi trên đó đều ngang nhau về mức độ trượt nguy hiểm. Trong đó đoạn từ Huổi Sô xuôi về đến Pa Vinh, có khả năng xuất hiện trượt nguy hiểm. Đoạn từ Huổi Sô đến Nậm Mạ tuy cấu tạo bằng đá vôi là thành tạo "tương đối bền vững" đối với trượt, song một số nơi thấy xuất hiện đá lục nguyên, lục nguyên phun trào, bị đập vỡ, uốn nếp, phương via các tầng đất đá lại trùng với phương kéo dài của thung lũng nên khả năng trượt nguy hiểm cũng cần phải được đặt ra. Đoạn từ cửa suối Nậm Ma đến cửa suối Nậm Giôn cho thấy có vẻ như không có trượt lở lớn. Tuy nhiên để phòng đá gốc ở đây bị đập vỡ mạnh, lại nằm trên vùng chịu tác động của động đất mạnh nên không loại

trừ khả năng có thể có trượt lớn. Đoạn từ cửa sông Nậm Giôn đến cửa sông Nậm Mức đồng thời tồn tại các đứt gãy, đá gốc bị uốn nếp, bị đập vỡ kết hợp với độ dốc sườn lớn, thung lũng rất hẹp là điều cần quan tâm đến khả năng trượt nguy hiểm trên đoạn này. Ngoài ra cần lưu ý đoạn từ cửa sông Nậm Mức đến cửa suối Bó; đoạn thung lũng từ cửa Nậm Mức đến cầu Hang Tôm.

2. Đoạn thung lũng sông Đà từ Nậm Hàng tới Pắc Ma. Khả năng trượt nguy hiểm của thung lũng này được xác định bởi về cơ bản chúng được cấu tạo bởi đá phiến sét, bột kết, macơ đôi nơi có thấu kính đá vôi, một vài nơi có đá xâm nhập granit. Đá có cấu tạo phân lớp mỏng, bị đập vỡ, "rất nhạy cảm" đối với hoạt động trượt. Ngoài ra: Trên thực tế đã quan sát thấy các trượt lớn như khối trượt Nậm Vá, khối trượt Nậm Lùn, khối trượt Cọc 7, hoặc rất lớn như khối trượt Lê Lợi. Bởi vậy, trượt cực lớn kiểu lấp dòng không phải là không có khả năng xảy ra nhất là khi hồ chứa tích nước làm việc, một phần đáng kể chân sườn dốc bị ngâm trong nước hồ.

*

* *

Qua phân tích tình hình trượt lở vùng hồ TĐSL, chúng tôi kiến nghị:

+ Cần có nhận thức đúng đắn về hoạt động trượt lở đất đá và vai trò của nó đối với công trình TĐSL. Trong đó, trượt không phải có tính cục bộ, yếu ớt, nhỏ bé, mà nhiều nơi xảy ra rất mạnh, có quy luật, có quy mô lớn đến rất lớn, thậm chí có cả cực lớn. Nhiều nơi trượt có tính tai biến, thảm họa.

+ Với công trình TĐSL cần quan tâm đến khả năng xuất hiện các trượt nguy hiểm, cần tập trung nghiên cứu làm rõ các tiền đề, nhất là tiền đề cấu tạo địa chất, thạch học, đứt gãy, động đất, địa mạo, khí hậu cho trượt nguy hiểm.

+ Dự báo vùng có khả năng phát sinh trượt nguy hiểm cho công trình TĐSL là đoạn thung lũng sông Đà từ Huổi Sô đến Hang Tôm và đoạn khác từ Nậm Hàng đến Pắc Ma. Những nơi trên cần được nghiên cứu toàn diện và kỹ càng để làm rõ khả năng phát sinh trượt nguy hiểm nhất là khi hồ TĐSL tích nước đi vào làm việc, cũng như đề xuất phương hướng phòng ngừa.

Biên tập: Nguyễn Công Mai

BẢO TỒN TÀI NGUYÊN...

(Xem tiếp trang 19)

4. Rừng Bình Châu - Phước Bửu (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Trước đây rừng Bình Châu - Phước Bửu có diện tích vài chục ngàn hecta nối dài đến Bình Thuận. Trong rừng có nhiều loại gỗ quý và nguồn động vật hoang dã phong phú (voi, khỉ, nai, báo...). Hiện nay rừng Bình Châu - Phước Bửu vẫn còn vài ngàn hecta chạy dọc bờ biển tạo cảnh quan đẹp cho các khu du lịch Bình Châu, Hồ Cốc, Hồ Tràm. Vùng này cần được phục hồi để bảo vệ chất lượng môi trường, giữ cân bằng khí hậu cho khu vực. Rừng Bình Châu - Phước Bửu đã được đưa vào danh mục các khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam (theo tài liệu của WWF và ADB).

Ngoài 4 vùng rừng trên, các vùng khác ở Lâm Đồng (đặc biệt là rừng thông Đà Lạt, rừng Núi Bà - BiDoup) Bình Thuận (TaKou, đảo Phú Quý) Tây Ninh (núi Bà Đen); Bình Phước (Núi Bà Rá), Đồng Nai (Định Quán) đã được đưa vào danh mục các khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam. Do vậy việc xâm phạm vào các vùng này cần được nghiêm cấm.

Để bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên sinh vật quý giá ở Vùng Đông Nam Bộ, chúng tôi kiến nghị:

- Đối với các khu vực đã được Chính phủ quyết định thành lập Vườn quốc gia (Côn Đảo, Cát Tiên): Tuyệt đối không đưa dân cư vào sinh sống, sớm chuyển dân ra ngoài vùng lõi, hỗ trợ cuộc sống nhân dân vùng đệm, không xây dựng các công trình công nghiệp, cảng, đô thị, hồ chứa, hoặc chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đối với khu vực chưa có quyết định thành lập Vườn quốc gia (Bù Gia Mập, Cánh Giò, Bình Châu, TaKou, Đà Lạt) các tỉnh, bộ cần sớm có qui hoạch bảo vệ, ngăn ngừa việc tiếp tục phá hoại rừng, tiến tới đề nghị Chính phủ ban hành quyết định thành lập vườn quốc gia.

- Đối với các rừng đầu nguồn cần phục hồi, mở rộng diện tích, không chuyển đất rừng sang các mục đích sử dụng khác.

- Trong các đô thị lớn, đặc biệt, các quận mới của thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một, Thuận An, Đà Lạt, thị xã Tây Ninh, Phan Thiết... phải xây dựng các công viên đủ lớn (trên 10 ha mỗi công viên) ở mỗi quận và trồng cây xanh thân gỗ với mật độ dày dọc các đường phố.

- Bảo tồn và phát triển nhanh tài nguyên sinh vật đảm bảo độ che phủ rừng > 30% diện tích tự nhiên ở Đông Nam Bộ sẽ góp phần BVMT lưu vực Đồng Nai, góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm an ninh quốc phòng.

Biên tập: Nghiêm Phú Ninh